

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Vị trí địa lý	3
2. Địa hình.....	3
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	3
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	4
5. Hiện trạng Dân số	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH	7
1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	7
2. Tóm tắt kết quả bản đồ nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa.....	8
3. Lịch sử thiên tai/BĐKH	9
4. Nhóm dễ bị tổn thương	14
5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng	15
6. Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	16
7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH.....	16
8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường	17
9. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH.....	18
10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH 18	
11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH.....	19
12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng.....	19
13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh 20	
14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	21
15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH	22
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH 23	
1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	23

2. Kết quả đánh giá về nhà ở.....	25
3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	25
4. Kết quả đánh giá về y tế.....	26
5. Kết quả đánh giá về giáo dục	26
6. Kết quả đánh giá về rừng.....	27
7. Kết quả đánh giá về trồng trọt	27
8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi.....	28
9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản.....	29
10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch.....	29
11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác	30
12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	30
13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH.....	31
D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP.....	32
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	32
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH	35
E. PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	38

Số: /BC-UBND

Phú Diên, ngày tháng 7 năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**
Xã Phú Diên, huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý

Phú Diên là xã bãi ngang ven biển, ven đầm phá đặc biệt khó khăn của huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, cách thành phố Huế 30 km về phía đông, cách trung tâm huyện 18km. Nằm trong tọa độ 16,30° vĩ Bắc, 107,43° kinh Đông. Địa giới hành chính tiếp giáp với 2 xã, phía Đông giáp biển Đông, phía Nam giáp phá tam giang, phía Tây giáp xã Vinh Xuân, phía Bắc giáp xã Phú Hải. Được phân bố thành 7 khu dân cư, bao gồm thôn Kế Sung Thượng, thôn Thanh Mỹ, thôn Kế Sung, thôn Mỹ Khánh, thôn Phương Diên, thôn Thanh Dương, thôn Diên Lộc.

2. Địa hình

- Vùng đồng bằng
- Vùng ven biển
- Vùng đồi cát

Địa hình phân tầng, có nơi cao hơn mực nước biển 70m, nằm trải dài theo bờ biển, tổng chiều dài là 7,5 km, địa hình chạy dọc theo quốc lộ 49B.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

T T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của T T Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
----------------	--	------------	----------------	-------------------------	---

1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25	3-9	Tăng 1,9 °C (chỉ dao động 1,3 °C -2,6 °C)
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39	11-12	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6 °C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20	10-11	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8 °C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	580-795	10-11	Tăng thêm khoảng 18,6 mm

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

T	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của T T Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			X	
5	Mực nước biển			X	
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	
7	Sạc lở bờ biển			X	
8	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)			X	

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Thôn Kế Sung Thượng	175	19	22	757	375	382
2	Thôn Thanh Mỹ	236	30	51	1176	586	590
3	Thôn Kế Sung	629	105	77	3.039	1.519	1.520
4	Thôn Mỹ Khánh	350	43	37	1.817	908	909
5	Thôn Thanh Dương	583	47	57	1.890	945	945
6	Thôn Phương Diên	420	55	37	2.915	1.450	1.458
7	Thôn Diên Lộc	206	16	18	1.030	515	515
Tổng		2.599	315	299	12.624	6.298	6.319

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.394,6
1	Nhóm đất Nông nghiệp	388,04
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	237,64
1.1.1	Đất lúa nước	182,3
1.1.2	Đất trồng cây _ang năm (ngô, khoai, mì, mía)	21,34
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	12
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	0

1.1.5	Đất nông nghiệp hoang hóa không sản xuất	25
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	89,1
1.2.1	Đất rừng sản xuất	8
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	81,1
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	54,78
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	2
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	52,78
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	14,52
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	939,23
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	54,21
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng - Đất nông nghiệp - Đất ở	50

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ % phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt (ha)	11	602	1,5 tấn	80

2	Chăn nuôi	8	121	49 triệu	80
3	Nuôi trồng thủy sản (tấn)	9	143	0,7tấn	10
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	17	389	9 tấn	40
5	Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp)	10	165	72 (triệu VND/năm)	60
6	Buôn bán	17	278	78 (triệu VND/năm)	90
7	Du lịch	6	6	78(triệu VND/năm)	20
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	22	650	78 (triệu VND/năm)	50

A. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



2. Tóm tắt kết quả bản đồ Vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ đã xảy ra	Xu hướng thiên tai
1	Bão	Thôn Kế Sung Thượng	Cao	Tăng
		Thôn Thanh Mỹ	Cao	Tăng
		Thôn Kế Sung	Cao	Tăng
		Thôn Mỹ Khánh	Cao	Tăng
		Thôn Thanh Dương	Cao	Tăng
		Thôn Phương Diên	Cao	Tăng
		Thôn Diên Lộc	Cao	Tăng
2	Ngập lụt	Thôn Kế Sung Thượng	Cao	Tăng
		Thôn Thanh Mỹ	Cao	Tăng
		Thôn Mỹ Khánh	Cao	Tăng
		Thôn Thanh Dương	Cao	Tăng
		Thôn Kế Sung	Cao	Tăng
3	Hạn Hán	Thôn Kế Sung Thượng	Cao	Tăng
		Thôn Thanh Mỹ	Cao	Tăng
		Thôn Kế Sung	Cao	Tăng
		Thôn Mỹ Khánh	Cao	Tăng
		Thôn Thanh Dương	Cao	Tăng
		Thôn Phương Diên	Cao	Tăng
		Thôn Diên Lộc	Cao	Tăng
4	Rét đậm rét hại	Thôn Kế Sung Thượng	Cao	Tăng
		Thôn Thanh Mỹ	Cao	Tăng
		Thôn Kế Sung	Cao	Tăng

		<i>Thôn Mỹ Khánh</i>	<i>Cao</i>	<i>Tăng</i>
		<i>Thôn Thanh Dương</i>	<i>Cao</i>	<i>Tăng</i>
		<i>Thôn Phương Diên</i>	<i>Cao</i>	<i>Tăng</i>
		<i>Thôn Diên Lộc</i>	<i>Cao</i>	<i>Tăng</i>
5	<i>Sạc lở bờ biển</i>	<i>Thôn Mỹ Khánh</i>	<i>Cao</i>	<i>Tăng</i>
		<i>Thôn Phương Diên</i>	<i>Cao</i>	<i>Tăng</i>
		<i>Thôn Diên Lộc</i>	<i>Cao</i>	<i>Tăng</i>

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
2000 – 2005	Bão	Số thôn: 7	1.Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại:	0
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	1
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	2
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại: (ha)	12
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: ha	28,9
			11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			12. Sạc lở bờ biển (m)	2
			13.Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,8 tỷ đồng

9/2006	Bão (số 6)	Số thôn: 7	1. Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại:	60
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	0
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	5
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	16
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	28,9
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			12. Sạc lở bờ biển (m)	5
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	3,9 tỷ đồng
2009	Bão (Katsana)	Số thôn: 7	1. Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	5
			3. Số nhà bị thiệt hại:	48
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	6
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	3
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	28,9
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh	8 chiếc

			doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: ghe thuyền	
			12. Sạc lở bờ biển (m)	4
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	4,3 tỷ đồng
2016	Bão (Nockte)	Số thôn: 7	1. Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại:	0
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	0
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	2
			8. Số ha ruộng, hoa màu bị thiệt hại:	6
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	28,9
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: ghe thuyền	0
			12. Sạc lở bờ biển (m)	2
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	3,2 tỷ đồng
2017	Bão (số 10)	Số thôn: 7	1. Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại:	0
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	3

			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	2
			8. Số ha ruộng, hoa màu bị thiệt hại:	2
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	28,9
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: ghe thuyền	0
			12. Sạc lở bờ biển (m)	0
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1, 1 tỷ đồng
2017	Bão (số 12)	Số thôn: 7	1. Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại:	45
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	1,8
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	2
			8. Số ha ruộng, hoa màu bị thiệt hại:	3
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	52,78
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: ghe thuyền	0
			12. Sạc lở bờ biển (m)	3
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	3,5 tỷ đồng

			Số ha nuôi trồng thủy sản bị hư hại.	52,78
			Số thuyền bị hư hỏng, quán trôi	56
			Số ha đất sản xuất bị bỏ hoang	0
			Số km đê đập bị hư hại	2,5
			<i>Ước tính thiệt hại</i>	<i>6,5 tỷ đồng</i>
2007	Ngập lụt	4 thôn	Số ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại	28,9
			Sạc lở bờ biển (m)	0
			Số ha nông nghiệp bị thiệt hại	2
			<i>Ước tính thiệt hại</i>	<i>1,3 tỷ đồng</i>
2013	Rét đậm, rét hại	7 thôn	Số gia súc, gia cầm bị thiệt hại (con)	2.500
			Số người bị bệnh hô hấp	120
			Số ha lúa bị thiệt hại	40
			Số ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại	52,78
			<i>Ước tính thiệt hại (tỷ đồng)</i>	<i>3 tỷ đồng</i>
Hằng năm	Sạc lở bờ biển	3 thôn	Chiều dài bị xâm thực (km)	1,5
			Chiều sâu bị xâm thực (m)	1-3m
			Số cửa biển bị mở	0
			Số ha lúa và hoa màu bị mất	0
			Số ha rừng phòng hộ bị thiệt hại	0

			<i>Ước tính thiệt hại</i>	<i>1 tỷ đồng</i>
2012	Hạn hán	7 thôn	Số ha lúa bị giảm năng suất	45
			Số ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại	52,78
			Số gia súc, gia cầm bị dịch bệnh (con)	1.200
			Số người bị dịch bệnh: tiêu chảy, đỏ mắt, dịch tả, sốt xuất huyết	45
			<i>Ước tính thiệt hại</i>	<i>2,6 tỷ đồng</i>
2015	Hạn hán	5 thôn	Số ha lúa bị giảm năng suất	75
			Số ha đất sản xuất bị bỏ hoang	9
			<i>Ước tính thiệt hại</i>	<i>700 triệu đồng</i>
2010	Áp thấp nhiệt đới	1 thôn	<i>Thiệt hại về người</i>	<i>4 người</i>
			<i>Thiệt hại về thuyền</i>	<i>14 chiếc</i>
			<i>Ước tính thiệt hại</i>	<i>800 triệu</i>

4. Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương						
		Trẻ em dưới 5 tuổi (Nữ/tổng số)	Trẻ em từ 5-16 tuổi (Nữ/tổng số)	Phụ nữ có thai	Người cao tuổi (Nữ/tổng số)	Người khuyết tật (Nữ/tổng số)	Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa	Người bị bệnh hiểm nghèo (Nữ/tổng số)
1	<i>Thôn Kế sung thượng</i>	12/45	46/92	4	14/26	2/5	0	1/2
2	<i>Thôn Thanh Mỹ</i>	43/85	87/172	10	18/35	4/11	0	2/6
3	<i>Thôn Kế Sung</i>	71/142	139/279	27	41/81	8/19	0	4/8
4	<i>Thôn Mỹ Khánh</i>	49/98	96/191	9	25/48	5/12	0	3/8

5	Thôn Thanh Dương	45/98	92/196	8	24/47	5/9	0	2/5
6	Thôn Phương Diên	69/123	117/249	23	38/75	9/19	0	3/7
7	Thôn Diên Lộc	29/58	51/106	11	17/32	6/7	0	1/3
	Tổng cộng	318/649	628/1.285	92	177/344	39/82		21/39

5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BĐKH
1	Trường mầm non	Phòng	9	Trung bình	2014	Trung bình
2	Trường học tiểu học Phú Diên 1	Phòng	14	Trung bình	2008	Trung bình
3	Trường tiểu học Phú Diên 2	phòng	14	cao	2007	Thấp
4	Trường THCS Phú Diên	phòng	18	cao	2005	cao
3	Trạm y tế	Phòng	10	cao	2011	Thấp
4	Đường điện	Km	7,5	cao	1995	Cao
5	Đường giao thông	Km	15	Thấp	2000	Cao
6	Trụ sở UBND	Phòng	16	cao	2004	Trung bình
7	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	7	cao	2016-2018	Trung bình
8	Chợ	Cái	03	Trung bình	2005	Cao

Nhận xét:

Các công trình hạ tầng và dịch vụ công cộng đều nằm ở vùng tương đối an toàn. Bờ biển chưa được kè kiên cố, triều cường dâng cao kết hợp với sóng lớn làm sạt lở bờ biển hàng năm nên dễ bị ảnh hưởng do bão lũ.

Hệ thống lưới điện trải dài qua nhiều xã và gần cây cối nên dễ bị đứt dây, dẫn đến mất điện khi cây gãy đổ.

Đường giao thông dễ bị ngập và sạt lở do chưa được nâng cấp và mở rộng.

6. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét, v.v)
1	Thôn Kê Sung Thượng	175	162	13	0	0	14
2	Thôn Thanh Mỹ	236	201	33	2	0	28
3	Thôn Kê Sung	629	589	37	3	0	34
4	Thôn Mỹ Khánh	350	310	35	5	0	25
5	Thôn Phương Diên	583	512	68	3	0	39
6	Thôn Thanh Dương	420	394	24	2	0	23
7	Thôn Diên Lộc	206	175	29	2	0	16
Tổng		2.599	2.343	239	17	0	175

Nhận xét:

Do địa hình trải dài ven biển nên nhà ở chỉ cách bờ biển trung bình từ 20 đến 50m, riêng 3 thôn: Mỹ Khánh, Phương Diên, Diên Lộc có nhiều hộ dân sống gần bờ biển, cách bờ biển 2 đến 6m và 2 thôn nằm giáp phá tam giang: thôn Kê Sung Thượng, Thanh Mỹ. Vì vậy, mức độ chịu đựng cấp bão của từng loại nhà ở là rất thấp, khả năng bị rủi ro thiên tai rất cao. Khi có bão, lụt xảy ra, có 175 hộ phải di dời, chiếm 25%.

7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật sống trong từng loại nhà

1	Nhà tạm bợ	0	0	0
2	Nhà thiếu kiên cố	17	8	14
3	Nhà bán kiên cố	42	71	241
4	Nhà kiên cố	142	120	2344
	Tổng số	201	592	475

8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Thôn Kế Sung Thượng	175	175	2	0	6	Cao	173	0	1	Thấp
Thôn Thanh Mỹ	236	236	5	0	7	Cao	233	0	3	Thấp
Thôn Kế Sung	629	629	20	0	12	Cao	624	0	5	Thấp
Thôn Mỹ Khánh	360	350	12	0	3	Cao	358	0	2	Thấp
Thôn Phương Diên	583	583	6	0	8	cao	580	0	3	Thấp
Thôn Thanh Dương	420	420	4	0	6	cao	418	0	2	Thấp
Thôn Diên Lộc	206	206	2	0	3	cao	205	0	1	Thấp
Tổng cộng	2.599	2599	51	0	48		2.582	0	17	

Nhận xét: địa phương đang sử dụng nước giếng khoan và giếng truyền thống chưa có nước máy, nên khả năng nguồn nước bị nhiễm bẩn do ngập lụt là rất cao.

9. Y tế - Hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	4	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	45	12	7	12	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	0	0	0	0

10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, Trung bình, Thấp)	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Thôn Kế Sung Thượng	Thấp	Cao
2	Thôn Thanh Mỹ	Thấp	Cao
3	Thôn Kế Sung	Thấp	Trung bình
4	Thôn Mỹ Khánh	Thấp	Trung bình
5	Thôn Phương Diên	Thấp	Trung bình
6	Thôn Thanh Dương	Thấp	Cao
7	Thôn Diên Lộc	Thấp	Trung bình

Nhận xét: Đa số người dân ít được tập huấn về công tác phòng chống dịch bệnh sau

bảo lữ nên kỹ năng phòng tránh dịch bệnh còn hạn chế, trong đó có nhiều thôn giáp phá tam giang và ở vùng thấp trũng như Kế Sung Thượng, Thanh Mỹ, Thanh Dương nên mức độ xảy ra dịch bệnh là rất cao.

11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH

<i>Loại rừng</i>	<i>Tổng diện tích (ha)</i>	<i>Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)</i>	<i>Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)</i>
1	2	3	0
<i>Rừng ngập mặn</i>	0	0	0
<i>Rừng trên cát</i>	81,1	81,1	0
<i>Rừng tự nhiên</i>	0	0	0
<i>Rừng khác</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>	30	30	
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>	0	0	
Tổng cộng	118,1	118,1	

12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>Rừng ngập mặn</i>			

<i>Rừng trên cát</i>	Phi lao, keo, tràm, sao đen, dương, dứa dại		300
<i>Rừng tự nhiên</i>			
<i>Rừng khác</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>	Cây mắm, cây bần, cây đước	Du lịch sinh thái ở rừng ngập mặn.	150 hộ
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>			
Tổng			150 hộ

Nhận xét:

Hiện nay địa phương đang triển khai trồng rừng ngập mặn tại khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản doi chòi, diện tích triển khai trồng 30ha, dự kiến việc trồng rừng ngập mặn sẽ hạn chế những tác động do bão lụt gây ra, góp phần làm sạch môi trường sống, tạo nơi trú ngụ và sinh sản cho cá, tôm...đồng thời sẽ tạo điều kiện để địa phương phát triển ngành du lịch biển kết hợp với du lịch sinh thái đầm phá.

13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	602	1,5 tấn	Thấp	Cao
2	Chăn nuôi	121	49 triệu	Thấp	Cao
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	143	0,7 tấn	Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	389	9 tấn	Thấp	Cao

5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp (thu nhập bình quân)	165	72 (triệu VND/năm)	Trung bình	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	3278	78 (triệu VND/năm)	Thấp	Cao
7	Du lịch	6	78 (triệu VND/năm)		
8	Ngành nghề khác-Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	650	78 (triệu VND/năm)	Thấp	Thấp

Nhận xét: Nguyên nhân những ngành nghề có nguy cơ cao:

- Diện tích đất sản xuất nằm ở vùng trũng, thấp, ngập đầm phá nên dễ bị nhiễm mặn, ngập úng khi có bão, lũ, ngập lụt và sạt lở bờ biển xảy ra. Chưa có hệ thống tưới tiêu nước đảm bảo cho công tác sản xuất nên hằng năm diện tích đất sản xuất bị ngập và khô hạn dẫn đến một số diện tích đất bị bỏ hoang (khoảng 12 ha).

- Diễn biến thời tiết thất thường, các đợt hạn hán, giông sét và rét đậm rét hại ngày càng tăng nên gia súc, gia cầm dễ bị dịch bệnh, số lượng đàn giảm rõ rệt sau thiên tai xảy ra.

14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	99
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	30
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	90
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0

6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổ ng số thôn	90
---	--	--------------------------	----

Nhận xét: Khi có thiên tai xảy ra, UBND xã chuyển tải đến người dân, nhất là phụ nữ, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật bằng những kênh thông tin:

- Hệ thống đài truyền thanh phát toàn xã, loa cầm tay ở 7 thôn.
- Các thành viên trong PCTT&TKCN tuyên truyền bằng miệng đến người dân kịp thời.

- Thông báo cảnh báo cho người dân qua tivi, loa đài, các buổi họp thôn trước và sau khi thiên tai xảy ra

Các nguồn thông tin luôn đảm bảo ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm để người dân thực hiện có hiệu quả.

Tuy nhiên hệ thống loa vẫn còn thiếu do địa bàn rộng, số lượng loa ít chỉ tập trung khu dân cư, vùng sản xuất nuôi trồng thủy sản chưa được phủ kín. Một số địa bàn khi thiên tai xảy ra cây ngã đổ đứt đường dây điện nên thông tin chưa kịp thời cho người dân.

15. Hiện trạng năng lực phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	7
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	0
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	17
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò vận động nhân dân	Người	4
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	4

5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	40
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì: vận động nhân dân, hậu cần	Người	8
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	0
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	0
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	2
	- Áo phao	Chiếc	50
	- Loa	Chiếc	7
	- Đèn pin	Chiếc	40
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1
	- Lều bạt	Chiếc	2
	- Xe ô tô	Chiếc	7
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	kg	0
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Cơ số	1

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Liệt kê các thôn bị ảnh hưởng	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TU'BDKH (Cao, Trung	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
--------------------------	-------------------------------	---	--	---	---

			tai/BĐKH)	Bình, Thấp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	7 thôn	Tăng	03	Cao	Cao
Ngập lụt	7 thôn	Tăng	03	Cao	Cao
Sạc lở bờ biển	7 thôn	Tăng	01	Cao	Cao

Giải thích: Các công trình có nguy cơ bị thiệt hại:

- Đường giao thông
- Hệ thống điện
- Trường Mầm non
- Trường Tiểu học
- Trung học cơ sở
- Hệ thống loa truyền thanh.

Nhận xét:

- Đường giao thông dễ bị sạt lở, bị cát vùi lấp, bị ngập nước
- Hệ thống điện dễ bị hư hỏng, dễ bị cúp điện khi có thiên tai xảy ra
- Trường học dễ bị ngập nước, hư hỏng khu vui chơi ngoài trời và các trang thiết bị trong lớp học

Điểm mạnh, điểm yếu của người dân trong kiến thức, kỹ năng và khả năng tiếp cận công nghệ:

Điểm mạnh:

- Nhận thức được tác hại của thiên tai xảy ra
- Có kinh nghiệm trong việc phòng chống thiên tai: Chằng chống nhà cửa, chủ động bảo vệ tài sản, chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết và chấp hành tốt chủ trương di dời của Ban PCTT & TKCN.

- Đoàn kết giúp đỡ nhau, nhất là giúp đỡ các hộ dễ bị tổn thương hộ già cả, phụ nữ có thai, trẻ em:

+ Trước thiên tai: chằng chống nhà cửa, chia sẻ, hỗ trợ tiếp cận các thông tin về thiên tai, chuẩn bị lương thực, thực phẩm, di dời ...

+ Trong thiên tai: giúp đỡ di dời khi có yêu cầu của chính quyền địa phương

+ Sau thiên tai: khắc phục hậu quả của thiên tai như sửa nhà cửa, hỗ trợ lương thực thực phẩm, dọn dẹp cây cối, tổng vệ sinh để phòng chống dịch bệnh

- Có đội xung kích giúp đỡ các đối tượng dễ bị tổn thương chằng chống nhà cửa, sơ tán dân.

Điểm yếu:

- Một số bộ phận nhân dân còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa, chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm.

- Ý thức vệ sinh môi trường sau khi thiên tai xảy ra của một bộ phận nhân dân còn mang tính cá nhân, thiếu trách nhiệm: Như vứt , xả rác bừa bãi xác động vật, gia cầm...

- Năng lực PCTT còn hạn chế: 25% người già neo đơn, phụ nữ mang thai, trẻ em...

- Thiếu kinh phí trong công tác dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống.

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/ Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	7 thôn	Tăng	89	Cao	Cao
Ngập lụt	7 thôn	Tăng	76	Cao	Cao

Nhận xét: Do địa hình giáp đầm phá và giáp biển, số nhà bán kiên cố, nhà giáp bờ biển và đầm phá còn nhiều nên nguy cơ bị tác động do bão là rất lớn.

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Số hộ có nhà vệ sinh không hợp vệ sinh	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)

Lụt	7 thôn	Tăng	2.599	17	Trung bình	Cao
Bão	7 thôn	Tăng	2.599	17	Trung bình	Cao

Nhận xét: Địa phương chưa có nước sạch (nước máy) nên 100% hộ sử dụng nguồn nước giếng khoan, nước bị nhiễm phèn, nhiễm mặn và nước ô nhiễm do mô mã trên cao khi mưa nước ngấm xuống lòng đất.

Hiện tại phần lớn người dân phải mua nước bình hàng ngày dùng để uống, nấu cơm bình quân mỗi hộ 01 bình/10.000đ/ngày.

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	7 thôn	Giảm	17	Cao	Thấp
Bão	7 thôn	Giảm	17	Cao	Thấp

Nhận xét: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo, y tế, bác sĩ và y tá có chuyên môn về các bệnh phụ khoa, hộ sinh, thuốc chữa bệnh thông thường, luôn dự trữ cơ sở thuốc cho tình huống khẩn cấp; luôn tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe ban đầu, giữ gìn vệ sinh.

5. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT của học sinh và giáo viên, có sự khác biệt nào giữa nam và	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)

			nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	2.599	Tăng	Trường nằm ở vùng thấp trũng, dễ ngập nước	Trung bình	Cao
Bão	2.599	Tăng		Trung bình	Cao

Nhận xét: Trường có tài liệu đào tạo về nội dung PCTT và ứng phó với BĐKH, Có tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể cho học sinh nam, nữ trong công tác PCTT. Tuy nhiên, học sinh mầm non và tiểu học chỉ có độ tuổi từ 3 -11 nên năng lực PCTT thấp.

6. Kết quả đánh giá về rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/ Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	2.599	Tăng	81,1	Cao	Cao
Bão	2.599	Tăng	81,1	Cao	Cao
Hạn hán	2.599	Tăng	81,1	Cao	Cao

Nhận xét: Người dân có ý thức, có kinh nghiệm, có kỹ thuật trồng rừng phòng hộ bờ biển. Nam giới và phụ nữ đều tham gia trồng và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, tình hình thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp và thiếu nước vào mùa khô nên diện tích rừng chịu rủi ro cao.

7. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	2.599	Tăng	203,64	Cao	Cao
Bão	2.599	Tăng	203,64	Cao	Cao
Hạn hán	2.599	Tăng	203,64	Cao	Cao
Rét đậm rét hại	2.599	Tăng	203,64	Cao	Cao

Nhận xét: 60% phụ nữ tham gia trồng trọt. Tuy nhiên, diện tích đất sản xuất nằm ở vùng thấp trũng, nhiễm phèn. Chưa có các hệ thống tưới, tiêu; sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên, một số hộ dân chưa ứng dụng những kỹ năng và công nghệ kỹ thuật vào trồng trọt, các dịch bệnh dễ xảy ra khi có thiên tai hoặc tác động của BĐKH: đạo ôn, khô vằn ... nên khả năng rủi ro cao.

8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	2.599	Tăng	1.200	Trung bình	Cao
Bão	2.599	Tăng	1.200	Trung bình	Cao
Hạn hán	2.599	Tăng	1.200	Trung bình	Cao
Rét đậm rét hại	2.599	Tăng	1.200	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Các loại bệnh, dịch có thể xảy ra khi có thiên tai hoặc tác động của BĐKH: lở mòn long móng, đậu, cúm gia cầm

40% người dân có kiến thức, kinh nghiệm trong công tác phòng chống dịch bệnh do thiên tai

Khoảng 60% phụ nữ có tham gia chăn nuôi. 10% được tập huấn và cung cấp những kỹ năng trong chăn nuôi.

9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	2.599	Tăng	52,78	Trung bình	Cao
Bão	2.599	Tăng	52,78	Trung bình	Cao
Hạn hán	2.599	Tăng	52,78	Trung bình	Cao

Nhận xét: 80% nam, 20% phụ nữ tham gia các hoạt động trong ngành thủy sản, nam giới có vai trò quan trọng hơn nữ giới trong ngành thủy sản. Tuy nhiên do ô nhiễm nguồn nước, một số người dân ý thức còn hạn chế trong việc khai thác cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, một số hộ chưa áp dụng kỹ năng và công nghệ kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản. Đa số các hộ nuôi trồng thủy sản vẫn nuôi gỏi vụ vào mùa mưa nên khả năng bị thiệt hại do thiên tai là rất cao.

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch

Loại hình Thiên tai, BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
----------------------------------	-------------------	---------------------------	---------------	---	------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt, bão	2.599	Tăng	6	Thấp	Cao

Nhận xét: hầu hết các hộ kinh doanh du lịch chưa được tập huấn về công tác phòng tránh thiên tai nên dễ bị tổn thương khi xảy ra thiên tai.

11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	2.599	Tăng	278	Cao	Cao
Bão	2.599	Tăng	278	Cao	Cao
Rét đậm rét hại	2.599	Tăng	278	Cao	Cao

Nhận xét: Các hộ kinh doanh có ý thức, kinh nghiệm nhưng chưa được tập huấn về kỹ năng và công nghệ kỹ thuật. Nữ giới tham gia 70% so với tổng số người tham gia hoạt động này và có vai trò quan trọng hơn so với nam giới.

12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về Thiên tai và biến đổi khí hậu? và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	2.599	Tăng	2.343	Trung bình	Cao
Bão	2.599	Tăng	2.343	Trung bình	Cao
Sạc lở bờ biển	2.599	Tăng	2.343	Trung bình	Cao
Rét đậm rét hại	2.599	Tăng	2.343	Trung bình	Cao
Hạn hán	2.599	Tăng	2.343	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Khi có thiên tai xảy ra, UBND xã chuyên tải đến người dân, nhất là phụ nữ, trẻ em, người già, người khuyết tật bằng những kênh thông tin:

- Hệ thống đài truyền thanh phát toàn xã, loa cầm tay ở 7 thôn.
- Các thành viên trong PCTT&TKCN tuyên truyền bằng miệng đến người dân kịp thời.

- Thông báo cảnh báo cho người dân qua loa đài, các buổi họp thôn trước và sau khi thiên tai xảy ra

Các nguồn thông tin luôn đảm bảo ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm để người dân thực hiện có hiệu quả.

Tuy nhiên: hệ thống truyền thanh chưa bao quát hết các khu dân cư, một số hộ dân không tiếp cận được thông tin chưa phủ kín do địa bàn rộng (khu vực nuôi trồng thủy sản).

13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH	Thôn/ Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT <i>(Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BDKH)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BDKH	Rủi ro thiên tai/BDKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	2.599	Giảm	55	Cao	Trung bình
Ngập lụt	2.599	Giảm	55	Cao	Trung bình

Nhận xét:

Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH của cán bộ và nhân dân cao. Tuy nhiên, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn thiếu, một số hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT.

Phụ nữ tham gia công tác PCTT hạn chế vì sức khỏe và rào cản từ người chồng vai trò phụ nữ chỉ chăm sóc con cái, nội trợ...

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP**1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH**

Thứ tự vấn đề ưu tiên	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Ô nhiễm nguồn nước	-100% hộ dân sử dụng nguồn nước giếng khoan; -Nguồn nước bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, ô nhiễm do mồ mã trên cao khi mưa nước thấm xuống lòng đất;	- Chưa có hệ thống nước máy; - Chính quyền cấp trên thiếu quan tâm; - Chưa có Cty nước đầu tư	- Có hệ thống nước máy; - Sử dụng máy lọc nước; - Sử dụng nước uống đóng thùng (chỉ tạm thời).
2	Nhà sập, tốc mái hư hỏng	-10% nhà thiếu và bán kiên cố. - Đa số những hộ nghèo, khó khăn, diện chính sách. - Một số còn chủ quan trong công tác chằng chống nhà cửa.	-Vùng trũng, thấp; sông gần bờ biển, Phá Tam Giang,	-Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà kiên cố - Tuyên truyền cho người dân về công tác PCTT.
3	Nguồn lợi thủy sản bị cạn kiệt	- 90% hộ dân sống nghề khai thác thủy sản gần đầm phá. - Nghề sống phụ thuộc vào thiên	- Một số hộ dân ý thức còn hạn chế trong việc khai thác nguồn lợi thủy sản cạn kiệt	- Tuyên truyền, vận động người dân tái tạo nguồn lợi thủy sản; - Trồng rừng ngập

		<p>nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác hủy diệt 		<p>mặn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc thực hiện các quy chế về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, có biện pháp xử lý nghiêm những hộ vi phạm
4	Lúa, hoa màu bị ngập úng, chết	<ul style="list-style-type: none"> - 100% diện tích đất sản xuất nằm ở vùng trũng, thấp; - 12 ha đất sản xuất bị bỏ hoang; - Năng suất thấp, chất lượng kém - Công cụ sản xuất thiếu, thô sơ. - Hệ thống tưới tiêu chưa có; - Hệ thống kênh mương chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác sản xuất; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đất bị nhiễm phèn; nhiệt độ nước, độ mặn tăng, không có nguồn nước ngọt dự trữ, phụ thuộc thiên nhiên; - Một số chưa áp dụng khoa học kỹ thuật; - Thu nhập thấp - Các công trình thủy lợi còn đơn sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo đất, chọn giống cây trồng thích hợp. - Xây dựng các công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất như trạm bơm ở thôn (Kế Sung, Mỹ Khánh, Thanh Dương). - Tập huấn cho người dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào SX. - Hỗ trợ vay vốn sản xuất.
5	Gia súc gia cầm chết	<ul style="list-style-type: none"> - Lạnh; - Chuồng trại không đảm bảo - Một số người dân còn chủ quan; - Chưa tiêm ngừa cho gia súc gia cầm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT trong chăn nuôi - Dịch bệnh; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho người dân áp dụng KHKT trong chăn nuôi; - Thường xuyên tiêm ngừa phòng dịch; - Nâng cấp chuồng trại; - Che chắn khi mùa rét.
6	Dịch bệnh ở người	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh; - Chưa có hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân sử dụng thực phẩm chưa an toàn VSSTP; 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền truyền cho người dân về VSMT. - Tiêu độc, khử

		<p>thoát nước khu dân cư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân chưa ý thức bảo vệ môi trường xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thải nước sinh hoạt chần nuôi ra khu dân cư bừa bãi; - Rác thải tồn đọng, xác súc vật chết. 	<p>trùng, VSMT sau thiên tai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư
7	Giảm sản lượng nuôi trồng thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Ao hồ nuôi tôm bị vỡ; - Nguồn nước bị ô nhiễm; - Một số hộ dân thiếu kiến thức về nuôi trồng thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ao hồ chưa kiên cố; - Ô nhiễm nguồn nước. - Một số hộ chưa áp dụng KHKT vào nuôi trồng thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia cố ao hồ nuôi tôm kiên cố; - Tập huấn cho người dân áp dụng KHKT.
8	Công trình cơ sở hạ tầng hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - 2,5 km bờ biển chưa được kè kiên cố, - Xâm thực 1-3m/năm, 3 ha rừng phòng hộ bị thu hẹp, gãy đổ, 1.200 cây dừa bị cuốn trôi - Giao thông đi lại khó khăn. - 10% hộ dân thiếu thông tin khi có thiên tai xảy ra do địa bàn rộng. - Một số trụ điện chưa đảm bảo an toàn - Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đê biển chưa được kiên cố, rừng phòng hộ mỏng, non - 30% các tuyến đường bị sạt lở, ngập nước, đường quốc lộ 49B và khu dân cư - Hệ thống truyền thanh xuống cấp, chưa phủ kín khu dân cư - Trụ điện chưa được kiên cố. - Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn chưa đảm bảo cho công tác PCTT 	<ul style="list-style-type: none"> - Kè kiên cố bờ biển 4,5 km; - Trồng bổ sung rừng phòng hộ bờ biển, trồng rừng ngập mặn ở đầm phá - Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông. - Nâng cấp hệ thống truyền thanh và phủ kín đến các khu dân cư. - Lắp ráp các trụ điện kiên cố. - Trang bị phương tiện CHCN
9	Người chết, bị thương	<ul style="list-style-type: none"> - 10% người dân chưa có kỹ năng 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số còn chủ quan; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền cho người dân về PCTT;

		PCTT; - 15% người dân không có năng lực PCTT; - Thiếu trang bị áo phao; - 70% đánh bắt thủy sản. - Thiếu thông tin về PCTT	- Nghề đánh bắt thủy sản rủi ro cao - Hệ thống truyền thanh xuống cấp	- Hỗ trợ các phương tiện CHCN. - Nâng cấp hệ thống truyền thanh
--	--	--	--	--

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (tỷ đồng)	
				Ngắn hạn	Dài hạn	Nhà nước	Địa phương
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	- Nâng cấp hệ thống tưới tiêu, ngăn mặn, các công trình thủy lợi, - Nâng cấp các tuyến đường giao thông - Nâng cấp hệ thống điện; - Nâng cấp hệ thống truyền	Đồng ruộng - Người trồng lúa	- Tu sửa, xây dựng hệ thống tưới, tiêu, đê ngăn mặn, giữ ngọt - Vận động người dân mua sắm máy bơm nước		X	80 %	20%
		Toàn xã – người tham gia giao thông	- Sửa chữa, mở rộng đường liên xã	X		80 %	20%
		Toàn xã	- Tu sửa, thay trụ điện an toàn	X		100 %	
		Toàn xã	- Lắp ráp thêm các	X		100	

	thanh - Hệ thống thoát nước trong khu dân cư - Hệ thống nước máy	Toàn xã Toàn xã	cụm loa trong khu dân cư - Xây hệ thống thoát nước			% 100 % 80 %	20%
Nhà ở chưa kiên cố	- Nâng cao nhận thức cho người dân - Hỗ trợ nguồn lực - Kiên cố nhà	Các thôn - người dân toàn xã	Tuyên truyền/ tập huấn về PCTT 04 lớp ở 4 thôn	X		70 %	30%
			- Cử lực lượng giúp đỡ các hộ gia đình khó khăn - Vận động xây dựng, gia cố nhà kiên cố	X		70 %	30%
Bảo vệ con người	- Sơ tán - Nâng cao nhận thức - Nâng cao kỹ năng cho lực lượng cứu hộ và người dân	Người dân ở 7 thôn	- Xây dựng kế hoạch sơ tán.	X			
			- Tuyên truyền	X			
			- Tập huấn cứu hộ- sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ và người dân	X		70 %	30%
			- Tổ chức diễn tập PCTT	X	X	70 %	30%

Trồng trọt	- Tập huấn áp dụng KHKT trồng trọt	7 thôn	- Vận động người dân tham gia tập huấn	X		70 %	30%
	- Chuyển đổi giống, cây trồng thích hợp		- Vận động người dân tham gia	X		70 %	30%
Thủy sản và đánh bắt hải sản	- Nâng cao đê bao	Hộ nuôi	- Tôn cao nền đê để chống ngập nước tràn vào trôi/ chết cá tôm		X	70 %	30%
	- Bảo vệ đàn cá, tôm, cua		- Rào, vây lưới quanh hồ	X			
	- Trang bị thuyền an toàn	Hộ đánh bắt cá	- Nâng cấp thuyền và trang thiết bị		X	20 %	80%
	- Bảo vệ thuyền có nơi tránh trú bão		- Mở rộng, xây dựng nơi neo đậu thuyền an toàn		X	80 %	20%
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	-Nâng cấp hệ thống truyền thanh	Người dân 7 thôn	- Mở rộng thêm loa phủ khắp toàn xã đảm bảo 100% người dân được nghe thông tin	X		100 %	
			- Tu sửa các loa hư hỏng	X		100 %	
Phòng chống thiên tai	-Nâng cao năng lực cho Cán bộ	Người dân	- Tập huấn về PCTT	X		80 %	20%
			- Tập huấn	X		80 %	20%

và TỰ ĐKKH	và lực lượng Cứu hộ, cứu nạn - Trang bị phương tiện CHCN	7 thôn	về Cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu - Cấp phát phương tiện CHCN	X		% 100 %	
Xâm thực biển	- Kè kiên cố đê biển - Kè tạm thời - Trồng cây chắn gió, cát	Toàn xã	- Kè kiên cố đê biển - Kè tạm thời các điểm xung yếu bằng bao chắn cát và trồng rừng phòng hộ	X	X	80 %	20%

E. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1.	Nguyễn Minh Hiện	PCT. Ủy ban nhân dân	01676913450
2.	Lê Đức Khanh	CC Văn phòng - Thống kê	0987718914
3.	Phan Thị Hết	PCT. UBMTTQ	01675082269
4.	Lê Thị Nga	CC Địa chính	01682837472
5.	Trần Văn Lương	CHT BCH Quân sự	0972342506
6.	Lê Viết Quang	CC. Địa chính – Xây dựng	01645161440
7.	Lê Văn Định	CC. VH-XH	0977608702
8.	Lê Thị Hồng Cẩm	CT.HLHPN	01683393244
9.	Nguyễn Văn Diệm	PCT. Hội Chữ Thập đỏ	01205911412
10.	Hoàng Thị Thúy	PCT Hội Phụ nữ	01653760416
11.	Trương Minh Hùng	CT Hội CCB	01228103953

12.	Nguyễn Quang Vũ	BT Đoàn Thanh niên	0935737383
-----	-----------------	--------------------	------------

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Công cụ 2:

LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/ Tháng	Thiên tai	Đặc điểm/xu hướng TT	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại	Tại sao	Đã làm gì để ứng phó
2008	Bão	-Gió cấp 12	Xã Phú Diên 7/7 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà tốc mái (45 nhà) - 10% nhà thiếu và bán kiên cố. - Đa số những hộ nghèo, khó khăn, diện chính sách. - 10% người dân chưa có kỹ năng PCTT; - 15% người dân không có năng lực PCTT; - Thiếu trang bị áo phao; -70% đánh bắt thủy sản. - Phương tiện đánh bắt trên biển bị sóng cuốn trôi (5 chiếc ghe) - Ao hồ nuôi trồng thủy sản bị vỡ đê - Diện tích hoa màu bị ngập úng (50ha mất 	<ul style="list-style-type: none"> -Vùng trũng, thấp; sống gần bờ biển, Phá Tam Giang, - Một số còn chủ quan trong công tác chằng chống nhà cửa. -Thiếu kỹ năng chằng chống nhà cửa. - Nghề đánh bắt thủy sản rủi ro cao - Một số hộ dân ý thức còn hạn chế trong việc khai thác nguồn lợi thủy sản cạn kiệt. 	<ul style="list-style-type: none"> -Vận động bà con nhân dân chằng chống nhà cửa - Di dời dân về nơi tránh bão an toàn, 12 hộ ra khỏi khu vực sạt lở. -Vận động nhân dân và các hộ kinh doanh dự trữ nước sạch, thực phẩm, dầu lửa - Hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc và các dụng cụ chăm sóc y tế. -BCH phòng chống bão lụt xã và 7 tổ phòng chống bão lụt thôn với số lượng là

6/2012	Hạn hán	Nắng nóng kéo dài, nhiệt độ cao nhiều tháng	Toàn xã	<p>trắng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm về nguồn nước do rác thải ú đọng dẫn đến dịch bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết, bệnh ngoài da. <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước bị nhiễm mặn; - Ruộng bị nhiễm mặn 15 ha, trong đó 12 ha chỉ sản xuất được 01 vụ; 3 ha không sản xuất được. - Năng suất thấp, thất thu 70 tấn lúa/vụ - Gia súc gia cầm chết; - Dịch bệnh - Thiếu nước sinh hoạt - Nguồn nước bị nhiễm bẩn 	<ul style="list-style-type: none"> - Do ruộng sát đầm phá, đê điều kém, thiếu nước tưới tiêu, thiếu kinh mương. - 100% hộ dân sử dụng nguồn nước giếng khoan. - SX nông nghiệp phụ thuộc vào thiên nhiên. 	<p>80 người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức khắc phục sau bão về nhà cửa, hệ thống đê điều - Tiêu độc khử trùng ổn định an dân. <p>Năm 2014 TW hỗ trợ kinh phí đắp đê ngăn mặn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã thau chua bằng vôi nhưng không có hiệu quả. - Nhân dân đề xuất chính quyền có kế hoạch trồng rừng ngập mặn phí ngoài đê, đồng thời có kế hoạch cải tạo lại diện tích để sản xuất có hiệu quả kinh tế.
12/2006	Rét đậm rét hại	-Không khí lạnh tràn -Nhiệt độ 14 độ	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất kinh doanh: Thiệt hại về hoa màu: 12 ha - Đánh bắt NTTS bị mất mùa - Rét đậm gieo xạ gây bạc lá, mất mùa (30%) Cây trồng chậm phát triển (60%) - Chăn nuôi: gia súc gia cầm chậm phát triển, chết (40%) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào trong trồng trọt và chăn nuôi ; - Còn chủ quan khi nắm bắt thông tin -Thời tiết khắc nghiệt. cây trồng không phát triển - Không tham gia đánh bắt được - Nguồn lợi thủy sản không phát triển - Đất bị nhiễm phèn; nhiệt độ nước, độ mặn tăng, không có nguồn nước ngọt dự trữ, phụ thuộc thiên nhiên; - Thu nhập thấp - Các công trình thủy 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho người dân áp dụng KHKT. - Vận động người dân gieo trồng theo lịch. - Thường xuyên tuyên truyền cho người dân tự bảo vệ tài sản, vật chất và sức khỏe. - Hỗ trợ con giống, cây giống sau đợt rét để 750 con gà; 50 con lợn giống; 3.200lg thóc giống - Hỗ trợ cứu đói đói với các hộ thiếu lương thực 15 tấn gạo.

10/20 17	Bão+ Ngập lụt	-Gió cấp 10 – 12 -Mưa kéo dài ngày; mưa lớn, thủy điện xả lũ - nước dâng cao 1m đến 1,5m	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - 21 nhà tốc mái -01 chiếc thuyền trôi; 6 cột điện hạ thế bị gãy; - QL49B ngập 1,5km sâu 0,5m - ¾ trường học bị ngập 0,3m - 2,5 km bờ biển chưa được kè kiên cố, -Xâm thực 1-3m/năm, 3 ha rừng phòng hộ bị thu hẹp, gãy đổ, 1.200 cây dừa bị cuốn trôi - Giao thông đi lại khó khăn. - 10% hộ dân thiếu thông tin khi có thiên tai xảy ra do địa bàn rộng. - Một số trụ điện chưa đảm bảo an toàn - Tthiệt hại 11ha mạ; hư hại 6 ha hoa màu ước tính 60 triệu -NTST: Thiệt hại 46 hồ NTTTS bị vỡ đê, tôm, cua cá thất thoát ước thiệt hại 864 triệu - Hệ thống cống trộ (10 cái) đê điều hồ nuôi bị sạt lở. 1km. - Đánh bắt thủy sản trên phá sản lượng giảm ước tính 15 tấn 75 triệu. - có 32 trộ sáo mùng bị hư hỏng nặng. - Chăn nuôi: Thiệt hại khoảng 700 con gà vịt 60 con heo sữa, 01 con bê, 15 con dê ước thiệt hại 90 triệu - 90% hộ dân sống nghề khai thác thủy sản gần đầm phá. 	<p>lợi còn đơn sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà không kiên cố -Bảo quản không cẩn thận, nước dâng cao - Tồn đọng rác từ các nơi khác đổ về. -Nhiễm mặn do nước ngập lâu ngày (úng) - Do nước ngập dài ngày - Đê biển chưa được kiên cố, rừng phòng hộ mỏng, non -30% các tuyến đường bị sạt lở, ngập nước, đường quốc lộ 49 và khu dân cư - Hệ thống truyền thanh xuống cấp, chưa phủ kín khu dân cư - Trụ điện chưa được kiên cố. - Tốc độ dòng chảy mạnh, mặc dù có dăng lưới trên mặt đê nhưng nước dâng quá cao tràn đê. - Do sóng to, gió mạn - Nước lên trong đêm không sơ trang vật nuôi kịp -100% diện tích đất sản xuất nằm ở vùng trũng, thấp; - 12 ha đất sản xuất bị bỏ hoang; - Năng suất thấp, chất lượng kém - Công cụ sản xuất thiếu, thô sơ. - Hệ thống tưới tiêu nước chưa có; - Hệ thống kênh 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã tổ chức họp dân các thôn để thông báo tình hình lũ lụt - Có phương án di dời dân ở các vùng thấp trũng lên vùng cao an toàn - Chuyển tài sản, vật nuôi lên vùng cao an toàn -BCĐ phòng chống lụt bão xã, thôn giúp người dân ứng phó và di dời. - UBND chỉ đạo trạm y tế tổ chức phun hóa chất tiêu độc, khử trùng.
-------------	------------------------------	--	---------	---	--	---

Hàng năm	Sạt lở bờ biển	Ngày càng tăng, lấn sâu vào bờ	3 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Nghề sống phụ thuộc vào thiên nhiên - Khai thác hủy diệt - Sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh; - Chưa có hệ thống thoát nước khu dân cư. - Một số người dân chưa ý thức bảo vệ môi trường xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> mương chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác sản xuất; - Do rác từ các nơi đổ về và súc vật chết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có bờ kè chắn sóng; - Một số hộ dân khai thác cát gần bờ; - Do thủy triều dâng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước có chủ trương cấm khai thác cát bờ biển. - Có tổ tự quản rừng dương phòng hộ. - Có kế hoạch trồng dừa đại chống cát bay.
----------	-----------------------	--------------------------------	--------	---	--	--	---

BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI XÃ PHÚ DIÊN
(Kế Sung Thượng, Mỹ Thanh, Kế Sung, Mỹ Khánh, Phương Diên, Thanh Dương, Diên Lộc)

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Bão	Ngày càng tăng, cường độ mạnh, gió cấp 12	<ul style="list-style-type: none"> - Người chết và bị thương (04 nam chết) - 10 % hộ dân sống ven biển, đầm phá, vùng trũng (256 hộ có nhà thiếu kiên cố và bán kiên cố) - 30m bờ kè chống sạt lở bờ biển không kiên cố (thôn Phương Diên). 	<ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân sông vùng cao, nhà kiên cố. - 3 km đê bao ngăn mặn được kiên cố hóa (Kế Sung-Thanh Mỹ) - Hệ thống điện phủ kín trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Người chết và bị thương. - Nhà tốc mái, sập - Các công

	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điện xuống cấp, chằng chịt, trụ điện yếu không đảm bảo tập trung chủ yếu ở các trụ điện rẽ nhánh đến trong khu dân cư của 7 thôn (vùng nuôi tôm chưa có điện). - Hệ thống thoát nước bị xuống cấp (Thanh Dương, Kế Sung). - Trường học nằm trong vùng trũng, thấp thường xuyên bị ngập cơ sở 1 THCS Phú Diên, Phân hiệu Thanh Mỹ của TH Phú Diên 2. - Hệ thống loa phát thanh xuống cấp, các cụm loa cách xa một số hộ dân cư, thiếu hệ thống điện khu vực nuôi trồng thủy sản. - Thiếu hệ thống tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp. - Có 30ha diện tích ở ven đầm phá chưa được trồng rừng ngập mặn - Thiếu khu neo đậu thuyền và bãi quay ghe (200 chiếc). - Hệ thống đê điều, cống trộ ở khu nuôi trồng thủy sản chưa đảm bảo. - Phương tiện đánh bắt gần bờ còn thô sơ. - Khu vực sản xuất nông nghiệp ở gần phá thường xuyên nhiễm mặn, năng suất thấp. - Nguồn lợi thủy sản cạn kiệt, giảm đa dạng sinh học hệ sinh thái vùng Phá Tam giang. - Chưa có hệ thống nước sạch 7/7 thôn. - 10% hộ dân chưa có nhà vệ sinh. - 10% hộ dân chưa có phương tiện nghe nhìn, phương tiện đi lại. - Ô nhiễm về nguồn nước do rác thải ứ đọng dẫn đến dịch bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết, bệnh ngoài da. - Thông tin chưa thường xuyên, thiếu kịp thời. - Một số bà con ý thức chưa cao, chủ quan, không chấp hành chủ trương 	<p>khu dân cư.</p> <ul style="list-style-type: none"> -15 km đường giao thông liên thôn xóm được bê tông hóa. - Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. - Có 06 cơ sở của 04 trường, đều được tầng hóa (02 trường Tiểu học, 01 trường Mầm non, 01 trường THCS). - Có hệ thống thoát nước ở thôn Kế Sung Thượng. - 7/7 thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng. - Có hệ thống truyền thanh phủ kín khắp trên địa bàn khu dân cư. - 90% hộ dân có nhà vệ sinh; - 90% hộ dân có phương tiện nghe nhìn, đi lại. - Có khu vực âu thuyền tránh trú bão (100 chiếc) và 01 bãi quay ghe (50 chiếc). - 200 chiếc ghe ở Đầm phá, 350 thuyền có công suất từ 8-24CV đánh bắt gần bờ. - Có ngư trường đánh bắt và khai thác rộng (6km) - 50 ha rừng phòng hộ chống cát chạy, cát bay (cây dương, dừa dại). - Di chuyển người già trẻ em đến nơi trú bão 	<p>trình, cơ sở hạ tầng hư hỏng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng nuôi trồng thủy sản giảm. - Mất diện tích đất sản xuất nông nghiệp - Nguồn lợi thủy sản cạn kiệt. - Ô nhiễm nguồn nước - Dịch bệnh.
--	--	--	---

		phòng chống bão.		
Ngập Lụt	Tăng, ngập dài ngày (2-7 ngày), sâu 0,5-1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ nghèo 10% nhà ở thiếu và bán kiên cố. - 2.000m đường liên thôn, xóm, Quốc lộ 49B thường xuyên bị sạt lở và ngập úng 05-0,7m (gần khe, Bầu Sen, chợ Cầu, Mỹ Khánh; Xóm 1,2, 3,5 Kế Sung) - Thiếu hệ thống thoát nước trong khu dân cư (Thanh Mỹ, Mỹ Khánh). - Đê điều, công trợ chưa kiên cố- Nhiễm mặn do nước ngập lâu ngày (úng). - 01 chiếc thuyền trôi; 6 cột điện bị gãy. - Thiệt hại 11ha mạ - NTST: Thiệt hại 46 hồ NTTS bị vỡ đê, tôm, cua cá thất thoát ứ đọng thiệt hại - Dễ bị vỡ đê ao, trôi tôm cá - Thiệt hại về lúa và hoa màu - Nước không đảm bảo vệ sinh, nhiễm khuẩn. - Rác thải trôi về, xác súc vật chết. - Ô nhiễm các trục đường do rác từ các nơi đổ về - Chưa đủ phương tiện đi lại, truyền thông. - Thông tin chưa thường xuyên, thiếu kịp thời. - Một số người dân còn chủ quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên cố nhà cửa, hệ thống đê, điều, ao hồ, chắn lưới quanh khu vực hồ NTTS. - Đưa ghe thuyền vào nơi đỗ an toàn. - Luôn nắm bắt thông tin thời tiết để phòng chống thiên tai. - Không chủ quan và chấp hành lệnh cấm của Nhà nước: không khai thác và đánh bắt trên biển và đâm phá khi có thông tin báo bão và lệnh cấm của Nhà nước. - Nắm bắt, phát hiện kịp thời những hiện tượng thời tiết xảy ra bất thường để đề phòng. - Trồng rừng ngập mặn để ổn định nguồn nước và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. - UBND xã tổ chức họp dân các thôn để thông báo tình hình lũ lụt. - Có phương án di dời dân ở các vùng thấp trũng lên vùng cao an toàn. - Chuyển tài sản, vật nuôi lên vùng cao an toàn. - BCĐ phòng chống lụt bão xã, thôn giúp người dân ứng phó và di dời. - Người dân có ý thức giữ gìn vệ sinh về chứa nước lọc. - Đội ngũ y tế xã: Phun thuốc diệt muỗi, bọ gậy 90% hộ gia đình có nhà vệ sinh đạt chuẩn - Có bãi rác tạm bợ. - Người dân có ý thức phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. - Có ý thức xử lý rác thải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gây ngập úng về nhà cửa, ruộng đồng, ao hồ NTTS. - Vỡ đê, đập, ao hồ. - Nguồn nước bị ô nhiễm, xảy ra dịch bệnh. - Thiệt hại mùa màng, lúa chết 27 ha, giảm sản lượng (NTTS thiệt hại 80%).

			<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn thoáng mát, nhất là đối với người già, trẻ em, mặc trang phục chống nắng khi ra ngoài. - Luôn nắm bắt thông tin thời tiết để phòng chống thiên tai. - Kiên cố nhà cửa, hệ thống đê, điều, ao hồ, chắn lưới quanh khu vực hồ NTTS. - Đưa ghe thuyền vào nơi đỗ an toàn. - Không chủ quan và chấp hành lệnh cấm của Nhà nước: không khai thác và đánh bắt trên biển và đầm phá khi có thông tin báo bão và lệnh cấm của Nhà nước. - Nắm bắt, phát hiện kịp thời những hiện tượng thời tiết xảy ra bất thường để đề phòng. <p>Vận động bà con nhân dân chèn chống nhà cửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di dời dân về nơi tránh bão an toàn - Di dời 12 hộ ra khỏi khu vực sạt lở - Vận động nhân dân và các hộ kinh doanh dự trữ nước sạch, thực phẩm, dầu lửa. - Hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc và các dụng cụ chăm sóc y tế. - BCH phòng chống bão lụt xã và 7 tổ phòng chống bão lụt thôn với số lượng là 80 người - Tổ chức khắc phục sau bão về nhà cửa, hệ thống đê điều, tiêu độc khử trùng ổn định an dân. 	
<p>Hạn hán</p>	<p>Nắng nóng kéo dài, nhiệt độ cao nhiều</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Do ruộng sạt đầm phá, đê điều kém, thiếu nước tưới tiêu, thiếu kênh mương. - Ruộng bị nhiễm mặn 15 ha, trong đó 12 ha chỉ sản xuất được 01 vụ; 3 ha không sản xuất được. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động dự trữ nguồn nước chống hạn (nạo vét ao hồ). - Xử lý ao hồ đúng quy trình (Năm 2014 TW hỗ trợ kinh phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Nuôi trồng thủy sản giảm năng suất, thu nhập thấp.

	tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Năng suất thấp, thất thu 70 tấn lúa/vụ - Nguồn nước phụ thuộc thiên nhiên 100% - Hệ thống kênh mương bằng đất 100% - Dịch bệnh gia súc gia cầm 	<ul style="list-style-type: none"> đắp đê ngăn mặn) - Đã thau chua bằng vôi nhưng không có hiệu quả. - Nhân dân đề xuất chính quyền có kế hoạch trồng rừng ngập mặn phí ngoài đê, đồng thời có kế hoạch cải tạo lại diện tích để sản xuất có hiệu quả kinh tế. - Người dân đóng giếng khoan đê tưới. - Có chích ngừa cho heo. - Cán bộ thú y xã được huyện tăng cường+thú y tư nhân 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa và hoa màu chết. - Gia súc gia cầm chết. - Thiếu nước sinh hoạt. - Dịch bệnh
Rét đậm, rét hại	Tăng, kéo dài 1 tuần, nhiệt độ thấp dưới 14 độ, không khí lạnh tăng cường	<ul style="list-style-type: none"> - Người già, trẻ em bị suy hô hấp - Cây trồng chậm phát triển. Vật nuôi dịch bệnh chết -Người dân không đi đánh bắt thủy sản được. Nguồn lợi thủy sản cạn kiệt. - Một số người dân thiếu ý thức trong việc bảo vệ sức khỏe khi thời tiết rét 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, vận động người dân tự bảo vệ sức khỏe, vật nuôi và cây trồng - Chính quyền quan tâm hỗ trợ con giống, cây giống để tái tạo sản xuất sau rét. - Thường xuyên thông tin tuyên truyền dự báo thời tiết cho người dân trên hệ thống truyền thanh xã và loa của thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sức khỏe người già và trẻ em giảm sút. - Sản xuất kinh doanh giảm, - Nguồn thu dịch vụ thương mại giảm. - Hoa màu hư hỏng - Đánh bắt NTTS bị mất mùa
Sạt lở bờ biển	Ngày càng tăng	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có bờ kè chắn sóng; - Một số hộ dân khai thác cát gần bờ; - Do thủy triều dâng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước có chủ trương cấm khai thác cát bờ biển. - Có tổ tự quản rừng dương phòng hộ. - Có kế hoạch trồng dừa đại chống cát bay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bờ biển bị xâm thực, mất diện tích đất ở của người dân. - Nhà sập

**TỔNG HỢP XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI
XÃ PHÚ ĐIÊN**

Rủi ro thiên tai	Số phiếu cho các thông tin						Toàn xã			Thứ tự xếp hạng
	Cụm 1		Cụm 2		Kiểm chứng		Nam	Nữ	Tổng số	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ				
Nhà tốc mái, sập	27	14	17	32	30	18	74	64	138	2
Các công trình CSHT hư hỏng	8	1	13	12	15	1	36	14	50	8
Sản lượng nuôi trồng thủy sản giảm	6	8	13	13	10	8	29	29	58	7
Lúa và hoa màu chết	9	10	12	17	16	6	37	33	70	4

Nguồn lợi thủy sản cạn kiệt	<i>10</i>	<i>14</i>	<i>11</i>	<i>8</i>	<i>29</i>	<i>21</i>	50	43	93	3
Ô nhiễm nguồn nước	<i>17</i>	<i>24</i>	<i>33</i>	<i>30</i>	<i>26</i>	<i>14</i>	76	68	144	1
Dịch bệnh	<i>10</i>	<i>21</i>	<i>6</i>	<i>10</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	25	40	65	6
Người chết, bị thương	<i>9</i>	<i>5</i>	<i>8</i>	<i>11</i>	<i>7</i>	<i>3</i>	24	19	43	9
Gia súc giá cầm chết	<i>12</i>	<i>11</i>	<i>13</i>	<i>11</i>	<i>11</i>	<i>10</i>	36	32	68	5
Tổng	108	108	126	144	153	90	387	342	729	

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động tập huấn và đánh giá









